

Số: 606/TB-BV  
V/v mời báo giá hoá chất xét nghiệm

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2024

## THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hoá chất xét nghiệm bổ sung năm 2024 của bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Hồ Thị Hà- Khoa Dược, bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ, SĐT: 038.458.4927.
- Cách thức tiếp nhận báo giá
  - Nhận trực tiếp tại bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ. Địa chỉ: thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội.
  - Nhận qua địa chỉ email: [hoha.hup@gmail.com](mailto:hoha.hup@gmail.com).Hình thức báo giá: 01 bản cứng (gửi trực tiếp tại bệnh viện) và bản mềm scan PDF (Đã đóng dấu và gửi qua email).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ~~11h00~~ ngày 27 tháng 09 năm 2024 đến trước ~~11h00~~ ngày 7 tháng 10 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư: Chi tiết theo mô tả đính kèm tại phụ lục 1.
- Địa điểm cung cấp, yêu cầu về vận chuyển cung cấp, bảo quản trang thiết bị y tế:

- Khoa Dược – Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ. Địa chỉ: Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội.

- Hàng hóa được giao mới 100%, chưa được qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

- Thời gian cung ứng dự kiến: ... ngày kể từ ngày ký hợp đồng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 180 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Hồ sơ báo giá bao gồm:

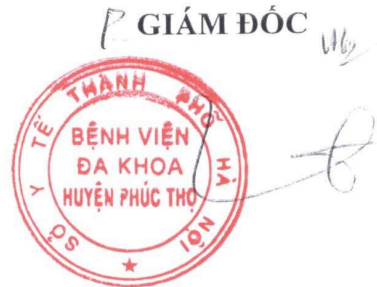
a. Báo giá theo mẫu phụ lục 2 đính kèm thông báo này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của trang thiết bị y tế báo giá (bản giấy và file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của bệnh viện và email quy định tại khoản 3 mục I - Yêu cầu báo giá).

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Website của bệnh viện (để công khai);
- Lưu: VT, KD.



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Vũ Thị Thu Hà*

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM YÊU CẦU BÁO GIÁ**  
*(Kèm theo yêu cầu báo giá số 606/TB-BV ngày 27 tháng 9 năm 2024)*

STT	Tên hoá chất	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch hiệu chuẩn máy điện giải	Calibrator được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> NaO <sub>2</sub> , CaCl <sub>2</sub> , C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> NO <sub>2</sub> , trong huyết thanh động vật. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Đóng gói: 3x4x2ml/ hộp	3x4x2ml	hộp	8
2	Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/PH	Thành phần gồm: Standard A: 530ml Standard B: 210ml Rinse solution: 220ml Reference solution: 310ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Đóng gói 1270ml/hộp	1270ml/hộp	Hộp	15
3	Dung dịch kiểm chuẩn máy điện giải	Control được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C <sub>2</sub> H <sub>3</sub> NaO <sub>2</sub> , CaCl <sub>2</sub> , C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> NO <sub>2</sub> , trong huyết thanh động vật Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Đóng gói: 3x5x2ml/ hộp	3x5x2ml	Hộp	2
4	Hóa chất chạy xét nghiệm APTT	- Mục đích sử dụng: Thuốc thử được dùng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT) trong huyết tương người - Thành phần bao gồm cephalin đông khô từ mô não thỏ và kaolin hoạt hóa, Calcium Chlorid Độ lặp lại (within run) với QC nồng độ thường: CV% 1.25, với QC nồng độ cao: CV% 1.18 Đóng gói: Hộp (5 x 3 ml; 2 x 10 ml)	Hộp (5 x 3 ml; 2 x 10 ml)	Hộp	5
5	Dung dịch rửa hệ thống	- Mục đích sử dụng: Dung dịch rửa để làm sạch kim - Thành phần: Dung dịch axit Đóng gói: Hộp (16 x 15 ml)	Hộp (16 x 15 ml)	Hộp	2
6	Hóa chất chạy xét nghiệm Fibrinogen	- Mục đích sử dụng: Thuốc thử dùng để chẩn đoán in vitro Fibrinogen theo phương pháp Clauss - Thành phần bao gồm Thrombin đông khô có nguồn gốc động vật Độ lặp lại (within run) với QC nồng độ thường: CV% 2.9, với QC nồng độ cao: CV% 1.3 Đóng gói: Hộp (5 x 2 ml; 2 x 15 ml)	Hộp (5 x 2 ml; 2 x 15 ml)	Hộp	12

7	Hóa chất chạy xét nghiệm PT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: Thuốc thử dùng để xác định thời gian prothrombin (PT) trong huyết tương người</li> <li>- Thành phần bao gồm: + Thromboplastin đông khô từ não thỏ + Chất pha loãng</li> <li>Độ lặp lại (within run) với QC nồng độ thường: CV% 1.01, với QC nồng độ cao: CV% 1.77</li> <li>Đóng gói: Hộp (5x5ml; 2x15ml)</li> </ul>	5x5ml; 2x15ml	Hộp	5
8	Hóa chất chuẩn mức 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: Huyết tương dùng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu</li> <li>- Thành phần: Huyết tương người đông khô</li> <li>Độ ổn định chưa mở nắp: đến hết hạn sử dụng tại 2-8 °C, đã mở nắp: 10 tiếng tại 2-25 °C, 5 ngày tại -20°C</li> <li>Đóng gói: Hộp (6 x 1 ml)</li> </ul>	Hộp (6 x 1 ml)	Hộp	2
9	Hóa chất chuẩn mức 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: Huyết tương dùng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu</li> <li>- Thành phần: Huyết tương người đông khô</li> <li>Độ ổn định chưa mở nắp: đến hết hạn sử dụng tại 2-8 °C, đã mở nắp: 10 tiếng tại 2-25 °C, 5 ngày tại -20°C</li> <li>Đóng gói: Hộp (6 x 1 ml)</li> </ul>	Hộp (6 x 1 ml)	Hộp	2
10	Cuvette cho dòng máy đông máu tự động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cóng đo mẫu</li> <li>1 hộp 20 thanh, 1 thanh 29 racks, 1 rack 4 cuvet</li> <li>làm được 4 xét nghiệm khác nhau</li> <li>Đóng gói: Hộp 20 thanh, 29 rack x 4 cuvet</li> </ul>	Hộp 20 thanh, 29 rack x 4 cuvet	Hộp	3
11	Hóa chất chạy xét nghiệm TT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích sử dụng: Thuốc thử dùng để xác định in vitro thời gian Thrombin trong huyết tương người</li> <li>- Thành phần: Thrombin đông khô có nguồn gốc từ bò</li> <li>Độ lặp lại (within run): CV %1.97</li> <li>Đóng gói: Hộp (12 x 2 ml)</li> </ul>	Hộp (12 x 2 ml)	hộp	4
12	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm khí máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng để hiệu chuẩn các chỉ số: pH, PCO<sub>2</sub>, PO<sub>2</sub>, Hct, Na<sup>+</sup>, K<sup>+</sup>, Cl<sup>-</sup>, Ca<sup>++</sup>, Glu, Lac.</li> <li>- Thành phần gồm có: 3 túi hiệu chuẩn A, B, F, dung dịch tham chiếu và túi đựng chất thải.</li> <li>- Thành phần đi kèm với hóa chất: thẻ điện cực, đầu lọc máu, giấy in nhiệt (mua trong nước).</li> <li>- Hộp 100 test sử dụng trong vòng 35 ngày sau khi mở.</li> <li>- Sử dụng tương thích với máy khí máu Prime hãng Nova Biomedical.</li> </ul>	100 test/hộp	Hộp	3
13	Dung dịch pha loãng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Diluent concentrate</li> <li>4x100 mL: hóa chất pha loãng AIA-PACK</li> <li>Diluent Concentrate, dung dịch đậm với chất tẩy.</li> </ul>	4 x 100ml	Hộp	4
14	Hóa chất nền	<ul style="list-style-type: none"> <li>2 lọ: hóa chất nền AIA-PACK Substrate Reagent II, 4-methylumbelliferyl photphat, chất ổn định, chất bảo quản natri azide (đông khô).</li> <li>2 x 100 mL: hóa chất nền AIA-PACK Substrate Reconstituent II, chất đậm chứa chất bảo quản natri azide (dạng lỏng).</li> </ul>	2 x 100ml	Hộp	11

15	Dung dịch rửa	4x100 mL: hóa chất rửa AIA-PACK Wash Concentrate, dung dịch đệm với chất tẩy và chất kim hãm vi khuẩn	4x100ml	Hộp	7
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng $\beta$ HCG	Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng $\beta$ HCG II và 100 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng $\beta$ HCG II được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide	Hộp 100TEST	test	300
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng ung thư gan alpha-fetoprotein	Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP và 100 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng AFP (đối với AFP của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.	Hộp 100TEST	test	200
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm ung thư gan (thể cholangiom), đường mật, dạ dày, tụy và đại trực tràng	Hóa chất xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm Ung thư 19-9. 5 khay x 20 test cup. Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA19-9 và 100 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CA19-9 (đối với CA19-9 của người), được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide.	Hộp 100TEST	test	100
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng CTNI thể hệ thứ 3	Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN và 100 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng CTNI3RD-GEN được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 100TEST	test	500
20	Hóa chất xét nghiệm định lượng FER	Hóa chất xét nghiệm định lượng ferritin 5 khay x 20 test cup Cốc nhựa chứa 12 hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng ferritin và 100 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng ferritin, được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản natri azide	Hộp 100TEST	test	1200
21	Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4	Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T4 5 khay x 20 cốc thử, cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đa dòng của thỏ kháng T4 và 140 $\mu$ L thyrozine (T4) được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide	Hộp 100TEST	test	900
22	Hóa chất xét nghiệm định lượng Free T3	Cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của thỏ kháng T3 và 125 $\mu$ L của T3 được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide	Hộp 100TEST	test	900
23	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Cốc thử nhựa chứa 12 hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH và 50 $\mu$ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng TSH được kết hợp với phosphatase kiềm của bò, chất bảo quản natri azide	Hộp 100TEST	test	1000

24	Hóa chất xét nghiệm Albumin	Thành phần: R1: Succinate buffer, pH 4.2 75 mmol/l Bromcresol green 0.15 mmol/l Brij 35 7 ml/l Detergents and stabilizers > 0.1% Hộp: R1: 4x105ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 4x105ml	Hộp	2
25	Hoá chất dùng để kiểm soát chất lượng và hiệu chuẩn các thông số sinh hoá giải thấp	Thành phần: chứa huyết thanh người Natri Azide (0,09 %). Đóng gói hộp : 5 x 5 ml	hộp : 5 x 5 ml	Hộp	2
26	Hoá chất dùng để kiểm soát chất lượng và hiệu chuẩn các thông số sinh hoá giải cao	Thành phần: chứa huyết thanh người Natri Azide (0,09 %). Đóng gói hộp : 5 x 5 ml	hộp : 5 x 5 ml	Hộp	2
27	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Direct	Thành phần: R1: Citrate Buffer (pH 2.9) 0.1 mol/L Detergent R2: Phosphate buffer (pH 7.0) 10 mmol/L Sodium metavanadate 4 mmol/L Hộp: R1: 4x105ml + R2: 4x25ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 4x105ml + R2: 4x25ml	Hộp	2
28	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin Total	Thành phần: R1: Citrate Buffer (pH 2.9) 0.1 mol/L Detergent R2: Phosphate buffer (pH 7.0) 10 mmol/L Sodium metavanadate 4 mmol/L. Hộp: R1: 4x105ml+ R2: 4x25ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 4x105ml+ R2: 4x25ml	Hộp	2
29	Hóa chất xét nghiệm Calcium	Thành phần: R1: Ethanolamine, pH 10.7 1 mol/l R2: o-Cresolphthalein complexone 0.3 mmol/l 8-hydroxyquinoline 13.8 mmol/l HydroChloric acid 122 mmol/l detergent. Hộp: R1: 2x55ml+ R2: 2x25ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 2x55ml+ R2: 2x25ml	Hộp	5
30	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 3	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa 38 thông số xét nghiệm. Lọ 5ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Lọ 5ml	Lọ	6
31	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CK-MB Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: 5 x 2 mL	Hộp	1
32	Hóa chất kiểm tra CK - MB mức thấp	Hoá chất kiểm tra CK-MB mức thấp. Hộp: 5 x 2 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: 5 x 2 mL	Hộp	1
33	Hóa chất kiểm tra CK - MB mức cao	Hoá chất kiểm tra CK-MB mức cao. Hộp: 5 x 2 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: 5 x 2 mL	Hộp	1
34	Hóa chất xét nghiệm CK MB	Hoá chất xét nghiệm CK-MB Hộp: R1: 1x100 mL + R2: 1x25 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 1x100 mL + R2: 1x25 mL	Hộp	2

35	Hóa chất xét nghiệm Ck - NAC IFCC	Thành phần: R1: buffer, Imidazole buffe pH6.7: 100mmol/l Mg-acetat; 20mmol/l Glucose 10mmol/l N-acetyl cysteine 20 mmol/l NADP 2 mmol/l G6P-DH 1500U/l HK 2500U/l EDTA 2 mmol/l R2 Substrate Creatine phosphate 30 mmol/l ADP 2 mmol/l AMP 5 mmol/l Adenosine 10 µmol/l Hộp: R1: 5x25+ R2: 2x15ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 5x25+ R2: 2x15ml	Hộp	3
36	Hóa chất xét nghiệm Creatinin	Thành phần: R1: Sodium hydroxide 0.20 mol/l R2: Picric acid 25 mmol/l Hộp: R1: 4x105ml + R2: 1x85ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 4x105ml + R2: 1x85ml	Hộp	15
37	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CRP Hộp: 5 x 1,5 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: 5 x 1,5 mL	Hộp	2
38	Hóa chất xét nghiệm GGT	Thành phần: R1: Tris Glycylglycin buffer pH 8.25 100 mmol/l R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 2.9 mmol/l Hộp: R1: 4x55 ml + R2: 2x25ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 4x55 ml + R2: 2x25ml	Hộp	2
39	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Thành phần: Phosphate buffer, pH 7.5 0.1 mol/l Phenol 7.5 mmol/l GOD 12000 U/l POD 660 U/l 4 - Amino-antipyrine 0.40 mmol/l Hộp: R1: 4x105ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 4x105ml	Hộp	6
40	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 2	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa 66 thông số xét nghiệm. Độ thẩm thấu là 370mOsm/kg. Lọ 5ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Lọ 5ml	Lọ	12
41	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 3	Dạng đông khô tăng độ ổn định, được sản xuất dựa trên huyết thanh người, chứa 66 thông số xét nghiệm. Độ thẩm thấu là 300mOsm/kg. Lọ 5ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Lọ 5ml	Lọ	12
42	Hóa chất xét nghiệm định lượng sắt	Hoá chất xét nghiệm định lượng sắt Hộp: R1: 1x200 mL + R2: 1x50 mL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 1x200 mL + R2: 1x50 mL	Hộp	3

43	Hóa chất xét nghiệm LDL - direct	Thành phần: R1: Good's buffer, pH 7,0 50 mmol/l Cholesterol oxidase 500 U/l Cholesterol esterase 600 U/l Catalase 600 KU/l Ascorbate oxidase 3 KU/l TOOS 2 mmol/l R2: Peroxidase 4 KU/l 4-Aminoantipyrine 4 mmol/l Hộp: R1: 4x30 ml+ R2: 2x22ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 4x30 ml+ R2: 2x22ml	Hộp	3
44	Hóa chất xét nghiệm Total protein	Thành phần: Potassium iodide 30 mmol/l Potassium sodium tartrate 32 mmol/l Copper sulphate 18 mmol/l Sodium hydroxide 200 mmol/l Hộp: R1: 4x105ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 4x105ml	Hộp	2
45	Hóa chất kiểm tra CRP mức thấp	Hoá chất kiểm tra CRP mức thấp Hộp: 5 x 1 mL	Hộp: 5 x 1 mL	Hộp	2
46	Hóa chất kiểm tra CRP mức cao	Hoá chất kiểm tra CRP mức cao Hộp: 5 x 1 mL	Hộp: 5 x 1 mL	Hộp	2
47	Hóa chất xét nghiệm Urea	Thành phần: R1: TRIS buffer pH 7.8 50 mmol/l GLDH $\geq$ 0.80 U/l Urease $\geq$ 12 U/ml R2: TRIS buffer pH 9.6 100 mmol/l 2-oxoglutarate 8.3 mmol/l NADH $\geq$ 0.23 mmol/l Hộp: R1: 4x105ml + R2: 4x25ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Hộp: R1: 4x105ml + R2: 4x25ml	Hộp	10
48	hóa chất xét nghiệm Acid uric	Thành phần: R1: Phosphate buffer pH 7.4 50 mmol/l DHBSA 7 mmol/l Preservative (*3,5-Dichloro-2-hydroxy-benzenesulfonic acid) R2: Uricase 6kU/l POD 5 kU/l Aminoantipyrine 1 mmol/l Preservative Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Hộp: R1: 4x105ml + R2: 4x25ml	Hộp: R1: 4x105ml + R2: 4x25ml	hộp	4
49	Hoá chất hiệu chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hoá	Hoá chất hiệu chuẩn thông số xét nghiệm sinh hóa HDL/LDL Bảo quản thuốc thử ở 2-8 °C. Hộp 6x3ml	Hộp 6x3ml ( 3ml/ Lọ )	lọ 3ml	12
50	Hoá chất hiệu chuẩn thông số xét nghiệm sinh hoá	Thành phần: Chứa huyết thanh người Natri Azide (0,09 %) được thêm vào làm chất bảo quản. Tương thích với tất cả máy sinh hóa tự động AU 480, AU680.....	Hộp 5x5ml (5ml/ Lọ )	lọ 5ml	12
Tổng: 50 khoản					

**Phụ lục 2: MẪU BÁO GIÁ**

( Đính kèm thông báo yêu cầu báo giá số ~~06~~ /TB-BV ngày ~~27~~ /...~~2~~...../2024)

**TÊN CÔNG TY**

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ**

*Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ, chúng tôi {ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên Liên danh} báo giá cho các thiết bị y tế như sau:*

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Tên hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền(VNĐ)
1											
2											
...											

( Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của trang thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ...ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [Ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký danh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh danh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

.....ngày...tháng.....năm ...

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))